

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Tuyết N; nơi cư trú: Số 3/148 L, phường L, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh T; nơi cư trú: Số 3/148 L, phường L, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đoàn Tuyết N trình bày:

Chị Đoàn Tuyết N và anh Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 18/6/2004. Đến nay có hai con chung.

Quá trình chung sống: Vợ chồng ngay từ đầu đã bất đồng quan điểm sống,

cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên cuộc sống luôn luôn căng thẳng và mệt mỏi. Từ cuối năm 2017 đến nay hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, chị Đoàn Tuyết N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 31/5/200A và Nguyễn Minh N, sinh ngày 06/5/200B. Chị Đoàn Tuyết N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị N về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung. Anh thừa nhận trong cuộc sống có những cư xử không đúng với vợ nhưng anh luôn tôn trọng và yêu vợ. Nay chị N có đơn xin ly hôn, quan điểm và nguyện vọng của anh là mong chị N tạo điều kiện cho anh cơ hội để sửa chữa những sai lầm, thiếu sót trong quá trình vợ chồng chung sống. Nhưng nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh T buộc phải chấp nhận.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh T đồng ý giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh và biên bản làm việc với đại diện hai bên gia đình chị N và anh T đều xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T là trầm trọng. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng, bị đơn không chấp hành các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Chị Đoàn Tuyết N và anh Nguyễn Anh T kết hôn từ năm 2004 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L,

Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 18/6/2004 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nhung ly hôn anh Tiến theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 31/5/200A và Nguyễn Minh N, sinh ngày 06/5/200B. Các bên thỏa thuận giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu trên là phù hợp, cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đoàn Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự thể hiện: Anh Nguyễn Anh T có nơi cư trú tại: Số 3/148 L, phường L, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Đoàn Tuyết N và bị đơn là anh Nguyễn Anh T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Bởi vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Anh T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Tuyết N và anh Nguyễn Anh T kết hôn từ năm 2004 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng 18/6/2004 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống: Ngay từ thời gian đầu chung sống hai bên đã nảy sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không hòa giải được. Năm 2015 chị N và anh T cùng xuất khẩu lao động ở nước ngoài, đến năm 2017 anh T về nước trước, chị N ở lại chữa bệnh. Đây là khoảng thời gian chị N quyết định ly hôn anh T để giải phóng cho cuộc sống của mỗi người. Vì thế cũng từ năm 2017 đến nay chị N không liên lạc với anh T nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng khẳng định giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mặc dù anh còn tình cảm với chị N, nhưng nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Qua xác minh tại gia đình, nơi cư trú của chị N và anh T cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy chị N yêu cầu được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 31/5/200A và Nguyễn Minh N, sinh ngày 06/5/200B. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thỏa thuận được cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của các bên là phù hợp với thực tế, phù hợp nguyện vọng của các con và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Tuyết N được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

- Về nuôi con chung: Giao cả hai con là Nguyễn Minh T, sinh ngày 31/5/200A và Nguyễn Minh N, sinh ngày 06/5/200B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Đoàn Tuyết N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị N đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012836 ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q. Lê Chân;
- UBND p.Lam Sơn, Q.LC, HP;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Linh